

MY HOME

A CLOSER LOOK 2

- proper name	(n): tên riêng, danh từ riêng
- singular noun	(n): danh từ ở số ít
- on - in	(prep): ở trên - ở trong
- next to	(adj): kế bên, bên cạnh
- between	(adj): ở giữa
- in front of	(adj): ở phía trước
- under	(adj): ở phía dưới
- clock	(n): đồng hồ treo tường
- cap	(n): mũ lưỡi trai
- pillow	(n): cái gối
- carefully	(adv): cẩn thận, chu đáo
- cover	(v): bao phủ, bao bọc, che
- position	(n): chỗ, vị trí